

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VN  
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09 tháng 8 năm 2022  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

. Ông Lê Hồng Châu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M - sinh năm: 1996; trú tại: 133/23 THĐ, phường 6, thành phố TH, tỉnh PY. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S - sinh năm: 1991; trú tại: Thôn PH 2, xã VT, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 4 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng

không hợp và không tôn trọng nhau. Chị M phát hiện anh S có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân nên không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Chị M đã nhiều lần nói chuyện, phân tích đúng sai cho anh S hiểu nhưng anh vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt nên cũng từ tháng 5 năm 2021 đến nay anh S đã về nhà cha mẹ ở thôn PH 2, xã VT, huyện VN sống. Từ đó đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có con chung duy nhất là Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 09/9/2019. Hiện nay con chung đang sống với chị M. Chị M yêu cầu giải quyết được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn S để trình bày ý kiến về việc chị M khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của anh S, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn PH 2, xã VT, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị M và các chứng cứ đã thu thập được

thì việc kết hôn giữa chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn S là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 62 ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị M, biên bản xác minh thì vợ chồng chị M, anh S hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh S đều không có mặt, chứng tỏ anh S không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M và anh S theo chị M trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu nhau. Trong thời kỳ hôn nhân, anh S có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm lo lắng cho gia đình. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[3] Về con chung: Chị M, anh S có con chung duy nhất là Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 09/9/2019. Chị M có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Con chung hiện đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì vậy việc giao cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị M. Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị M xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh S.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho chị Trần Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị M, anh S có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003380 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã VT;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án; - Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Vũ Tuyết Mỹ**

